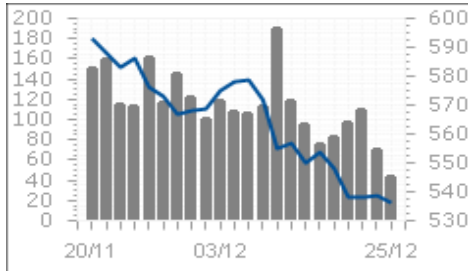


HOSE 25/12/2014

VNINDEX	532.01	-7.43	-1.38%
KLGD	89,289,563	CP	
GTGD	1,714.56	Tỷ	
GTR NDTNN	41.28	Tỷ	
CP Tăng giá	58	CP	
CP Giảm giá	144	CP	
CP Đứng giá	102	CP	

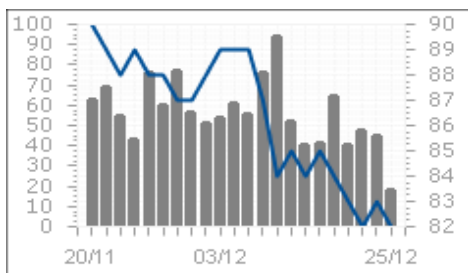


Tâm điểm

- ▶ **Nhóm CP dầu khí lại tiếp tục kéo thị trường giảm mạnh về cuối phiên**
- ▶ **Thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp, dòng tiền chưa vào thị trường**
 NĐT Nước ngoài vẫn tiếp tục mua ròng nhẹ trên cả 2 sàn
- ▶ **Năm 2015 sẽ đưa nợ xấu về mức 3%**
 NHNN cho biết sẽ đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu và cơ cấu TCTD STOX
- ▶ **Thị trường trái phiếu sôi động dịp cuối năm**
 Lợi suất trái phiếu tiếp tục tăng trên các thị trường STOX
- ▶ **Dầu lại chìm sâu sau thông báo của EIA**
 Dự trữ dầu thô đã tăng mạnh trái với dự báo giảm của các chuyên gia Market Watch
- ▶ **LCG: Ký hợp đồng thi công dự án gần 1,680 tỷ đồng**
 Với vốn đối ứng 243 tỷ đồng và vốn vay tín dụng là 1,437 tỷ đồng. DVO
- ▶ **VNM: Ước doanh thu 2014 đạt 36,000 tỷ đồng, tăng 14% so 2013**
 Các sản phẩm của Vinamilk còn được xuất khẩu tới 31 nước trên thế giới Vietstock

HNX 25/12/2014

HNXINDEX	82.05	-0.77	-0.93%
KLGD	50,099,162	CP	
GTGD	569.54	Tỷ	
GTR NDTNN	7.63	Tỷ	
CP Tăng giá	70	CP	
CP Giảm giá	124	CP	
CP Đứng giá	185	CP	



Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	974,675	13.1	2.6	17.9%	9.2%
HNX	138,005	13.3	1.8	8.8%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,112,680	13.5	2.6	17.8%	8.9%

Theo ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,773	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,536	9.3	1.5	17.1%	10.6%
Khai khoáng	36,243	12.4	1.9	22.3%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,417	89.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	25,410	14.0	1.5	13.7%	7.5%
Máy công nghiệp	30,839	29.7	1.1	1.0%	2.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,406	8.6	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,408	8.2	1.5	18.6%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,118	10.4	2.7	25.5%	11.0%
Thực phẩm	22,183	10.4	1.9	21.9%	7.5%
Dược phẩm	184,133	23.6	4.4	18.2%	14.1%
Phần mềm	15,502	12.3	2.8	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,432	9.8	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,300	10.1	1.5	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	140,581	11.5	3.7	32.3%	21.9%
Môi giới chứng khoán	21,775	17.3	1.8	10.4%	2.2%
Ngân hàng	25,474	10.9	1.4	11.0%	7.5%
Bất động sản	242,468	11.5	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	154,141	15.1	2.4	17.8%	4.6%
	34,301	7.8	1.6	21.9%	9.3%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	585.19	-6.00	-1.01%
HNX30	158.55	-2.93	-1.82%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

306 Ba Triệu
 Hai Ba Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Năm 2015 sẽ đưa nợ xấu về mức 3%

Thị trường trái phiếu sôi động dịp cuối năm

Dầu lại chìm sâu sau thông báo của EIA

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

LCG: Ký hợp đồng thi công dự án gần 1,680 tỷ đồng

VNM: Ước doanh thu 2014 đạt 36,000 tỷ đồng, tăng 14% so 2013

HFC: Ước lãi trước thuế 2014 đạt 4.7 tỷ, vượt 52% kế hoạch

► Tin kinh tế

Tại Hội nghị đánh giá công tác hoạt động ngành năm 2014, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã nhìn lại tình hình ngành ngân hàng năm 2014 và công bố định hướng điều hành năm 2015. Theo đó đánh giá chung năm 2014, tỷ giá và thị trường ngoại hối về cơ bản ổn định, niềm tin vào VND được củng cố. Về định hướng năm 2015, NHNN cho biết, đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu, gắn với cơ cấu lại các TCTD và hướng đến đưa nợ xấu về 3%. Ngoài ra, điều hành tỷ giá phù hợp với kinh tế vĩ mô cũng là một nhiệm vụ quan trọng, NHNN cam kết điều hành tỷ giá trong biên độ 2%, đây cũng là thách thức của năm 2015.

Thị trường trái phiếu sơ cấp và thứ cấp trở lại sau một thời gian lợi suất trái phiếu liên tục tăng và nhờ những nỗ lực bán ròng của Ngân hàng Nhà nước. Dự báo trong tuần cuối cùng của năm, lợi suất trái phiếu có thể tiếp tục tăng khi lực cung trên thị trường sơ cấp vẫn được duy trì ở mức cao. Tuần từ 15-19/12 tổng khối lượng trái phiếu gọi thầu lên tới 11.500 tỷ đồng trên thị trường sơ cấp. Theo số liệu Bloomberg, lợi suất trái phiếu tuần này tiếp tục tăng nhanh hầu hết các kỳ hạn. NĐTNN quay lại mua ròng lên tới 24.691 tỷ đồng thông qua các giao dịch outright và repos. Trên thị trường mở thì lợi suất tín phiếu tại các kỳ hạn đều tăng đáng kể so với cuối tuần trước. Thị trường liên ngân hàng thì lãi suất liên ngân hàng tiếp tục xu hướng giảm.

Ngày 24/12, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết dự trữ dầu thô tăng 7.3 triệu thùng so với tuần trước đạt mức 387.2 triệu thùng, trái với dự báo giảm 1.8 triệu thùng của các nhà phân tích. 23/12, Viện Xăng dầu Mỹ (API) cũng cho biết nguồn cung dầu thô trong tuần kết thúc ngày 19/12 bất ngờ tăng 4.5 triệu thùng. Sản lượng dầu ngày càng tăng cao của Mỹ xuất phát từ sự bùng nổ của hoạt động khai thác dầu đá phiến là nguyên nhân chính dẫn đến sự dư thừa nguồn cung trên thị trường. Thông thường, sự gia tăng mạnh của nguồn cung dầu tại Mỹ tác động tiêu cực đến giá dầu.

► Tin doanh nghiệp

Ngày 24/12, Bộ Giao thông Vận tải và liên doanh gồm CTCP Licogi 16 (HOSE: LCG), CTCP Đầu tư Khai thác Cảng và CTCP Xây dựng số 2 (HNX: VC2) đã ký hợp đồng chính thức dự án "Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 38 đoạn nối QL1 với QL5 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương theo hình thức hợp đồng BOT". Theo đó, tên doanh nghiệp liên doanh phụ trách dự án là CTCP BOT 38. Dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 1,679.8 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng 243 tỷ đồng và vốn vay tín dụng là 1,437 tỷ đồng. Dự kiến dự án hoàn thành vào năm 2016.

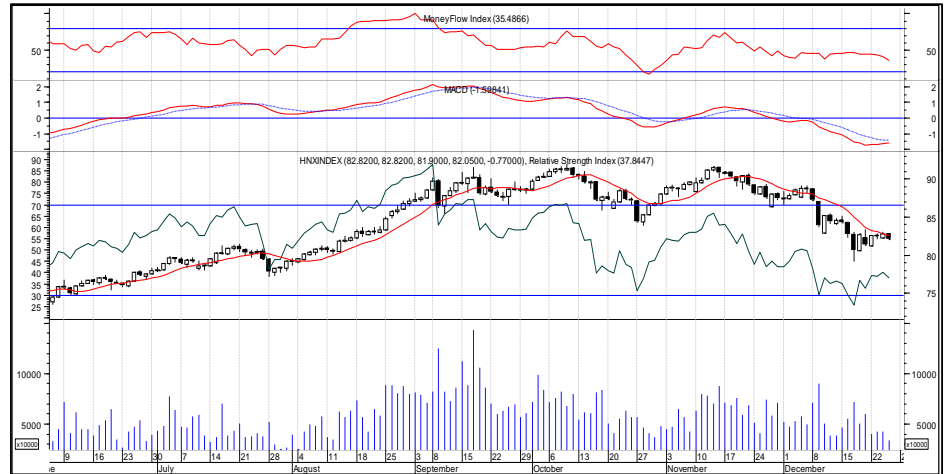
CTCP Sữa Việt Nam (HOSE: VNM) vừa cho biết, năm 2014 ước thực hiện doanh thu 36,000 tỷ đồng, tăng khoảng 14% so với 2013 và nộp ngân sách nhà nước khoảng 3,500 tỷ đồng. Hệ thống phân phối nội địa của Vinamilk gồm 2 kênh chính là bán hàng trực tiếp tại 600 siêu thị và thông qua hơn 230,000 điểm bán lẻ. Ngoài ra, các sản phẩm của Vinamilk còn được xuất khẩu tới 31 nước trên thế giới. Trong chiến lược của mình, Vinamilk đang đặt ra mục tiêu sẽ đạt doanh số 3 tỷ USD và đứng vào top 50 công ty sữa lớn nhất thế giới vào năm 2017. Trong những năm vừa qua, Vinamilk đã có những bước tiến dài trên thị trường khu vực và thế giới, trong đó có việc thành lập liên doanh tại Campuchia, đầu tư nhà máy tại New Zealand, thành lập công ty con ở châu Âu và đã mua lại một công ty sữa tại Mỹ...

CTCP Xăng Dầu Chất Đốt Hà Nội (UPCOM: HFC) đã thông qua kết quả SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2014 của công ty ước đạt 1,427 tỷ đồng, vượt 9% so với kế hoạch đặt ra và tăng 112% so với năm 2013. Lãi trước thuế ước đạt 4.7 tỷ đồng, bằng 151.86% so với kế hoạch. Tổng sản lượng xăng, dầu bán ra là 67,499 m3, bằng 109% kế hoạch và tăng 111% so với năm 2013. Công ty cũng thông qua kế hoạch SXKD năm 2015 với doanh thu thuần đạt 1,400 tỷ đồng, sản lượng bán ra đạt 72,000 m3 và Lợi nhuận trước thuế từ HĐ SXKD đạt 4.3 tỷ đồng.

HOSE 25/12/2014 VNINDEX 532.01 -7.43 -1.38% 89,289,563 CP 1,714.56 bil VND

Nhóm CP dầu khí lại tiếp tục kéo thị trường giảm mạnh về cuối phiên

VN-Index giảm điêm với lực cầu yếu khiến thanh khoản sụt giảm mạnh.
 - Chỉ số dòng tiền MFI tiếp tục duy trì mức khá thấp cho thấy nhà đầu tư vẫn thận trọng với giao dịch thời điêm hiện tại.
 - MACD cho tín hiệu tích cực hơn khi tiến sát đường tín hiệu.
 - RSI (14) giảm trở lại mức 35.47 và tiến sát hơn xuống vùng quá bán.
 - VN-Index vẫn chưa thực sự có động lực tăng điêm bút phá trở lại. Các yếu tố giao dịch mua bán chủ yếu dựa trên kỹ thuật. Dòng tiền tham gia thị trường yếu là tín hiệu không tốt thời điêm này.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.2 (-2.0%)	6,881,000
OGC	-0.3 (-4.1%)	3,794,360
ITA	-0.1 (-1.3%)	3,710,200
PVT	-0.7 (-4.7%)	3,457,160
HTI	0.6 (6.2%)	3,174,870

HOSE Top 5 theo % tăng

SSC	3.5 (6.9%)	10
STG	2.1 (6.8%)	10
HVX	0.4 (6.8%)	10
HDG	1.9 (6.5%)	9,010
HTI	0.6 (6.2%)	3,174,870

HOSE Top 5 theo % giảm

HU3	-0.7 (-7.0%)	2,060
ACC	-2.3 (-7.0%)	20
SC5	-1.8 (-6.9%)	6,860
CLL	-2.4 (-6.8%)	4,710
VPH	-0.7 (-6.7%)	76,610

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	8,9 tỷ	138,860
GAS	6,3 tỷ	91,930
DPM	5,3 tỷ	174,310
MSN	4,3 tỷ	51,500
HPG	4,2 tỷ	82,730

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VSH	-2,5 tỷ	186,620
CII	-1,1 tỷ	59,750
PPC	-0,8 tỷ	31,610
BMP	-0,6 tỷ	8,640
IJC	-0,4 tỷ	30,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	894,230	41.28

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu dầu khí giảm điêm trở lại kéo theo sự suy giảm chung của thị trường.
- ▶ Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên hôm qua nhưng vẫn duy trì mức thấp khi tổng giá trị giao dịch chỉ đạt hơn 67 triệu đơn vị.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ 41.2 tỷ đồng, đây là phiên mua ròng thứ 4 liên tiếp, mua ròng PVD, GAS, DPM, MSN...
- ▶ Thị trường có thể phục hồi vào phiên ngày mai dựa trên yếu tố kỹ thuật, khi nhiều cổ phiếu chủ chốt đều tiến sát vùng quá bán.
- ▶ Giao dịch ngắn hạn thời điêm hiện tại rất rủi ro. Tuy nhiên, nhà đầu tư có thể tìm kiếm cơ hội trung, dài hạn ở những cổ phiếu hưởng lợi từ giá dầu, từ chính sách hỗ trợ của...

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	68.0	128,860.00	11.7	3.8	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	94.5	94,511.21	16.4	5.2	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	29.9	79,684.11	17.5	1.9	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	45.9	66,764.08	17.5	3.7	21.1%	4.6%
MSN	735.8	82.5	60,704.17	- 483.0	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	13.8	51,382.98	9.5	0.9	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.0	36,545.63	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	51.0	24,577.32	7.9	2.2	30.2%	14.7%
BVH	680.5	31.6	21,502.90	17.3	1.8	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	17.4	19,879.70	8.2	1.1	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

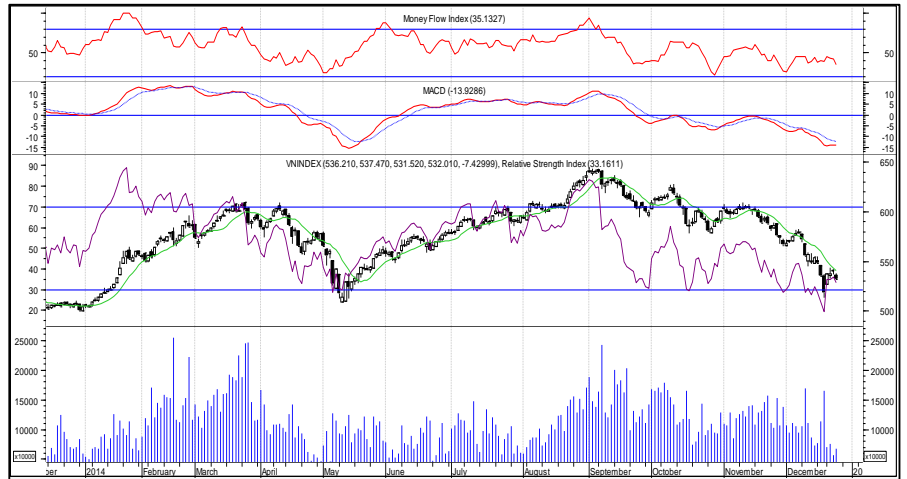
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.4	764.40	12.1	0.8	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.4	822.30	23.7	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.1	2,206.57	6.9	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.0	3,274.45	9.1	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.6	704.70	5.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	22.5	621.22	1.9	1.0	NA	TH.DOI

HNX 25/12/2014 HNX-Index 82.05 -0.77 -0.93% 50,099,162 CP 569.54 bil. VND

Thị trường tăng điểm nhờ CP giảm sâu hồi phục lại, thanh khoản thấp

HNX-Index giảm điểm với giao dịch giằng co giữa bên mua và bên bán.

- HNX-Index ghi nhận thêm một phiên giao dịch giằng co và chỉ số MFI không có biến động lớn so với phiên hôm qua.
- MACD vẫn đang tiệm cận đường tín hiệu.
- RSI (14) giảm nhẹ xuống 37.67.
- HNX-Index vẫn chưa thể tăng điểm trở lại vùng kháng cự 84 điểm khi dòng tiền tham rất yếu. Các cổ phiếu đầu cơ thuộc sàn HNX đang rất khó tạo thanh khoản thời điểm này.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.4 (-8.2%)	4,695,360
KLF	-0.3 (-2.8%)	4,463,920
SCR	-0.4 (-4.2%)	3,255,750
SHB	-0.2 (-2.4%)	2,068,990
PVS	-0.8 (-3.0%)	1,887,000

HNX Top 5 theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	100
DBT	1.9 (10.0%)	117,630
VLA	1.1 (9.8%)	100
ECI	1.9 (9.7%)	400
SEB	2.5 (9.6%)	10,600

HNX Top 5 theo % giảm

HCT	-1.1 (-10.0%)	1,000
CPC	-2.6 (-9.9%)	100
SGH	-6.8 (-9.9%)	100
DC2	-0.4 (-9.8%)	100
CKV	-1 (-9.6%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	5,9 tỷ	715,700
AAA	0,7 tỷ	50,000
PLC	0,4 tỷ	12,000
VCG	0,2 tỷ	20,100
DXP	0,2 tỷ	4,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

LAS	-0,3 tỷ	10,000
KSQ	0,0 tỷ	4,000
SD6	0,0 tỷ	2,000
SSM	0,0 tỷ	2,400
BAM	0,0 tỷ	1,600

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	834,078	7.63

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu dầu khí tác động lên HNX-Index và tâm lý toàn thị trường khiến giao dịch trở nên ảm đạm.
- ▶ Khối lượng giao dịch rơi xuống mức thấp nhất kể từ ngày 4/8/2014.
- ▶ Khối ngoại giao dịch khá cân bằng khi mua 7.63 tỷ đồng, mua nhiều ở SHB, AAA, PLC
- ▶ Tâm lý thị trường yếu khiến nhiều cổ phiếu đầu cơ thuộc sàn HNX không thu hút được dòng tiền khiến giao dịch không được cải thiện.
- ▶ NĐT xem xét canh mua vào những cổ phiếu hưởng lợi từ giá xăng dầu giảm như nhóm ngành vận tải... Và hạn chế giao dịch ngắn hạn. Tỷ lệ cổ phiếu và tiền mặt nên

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	26.1	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	26.1	11,658.88	7.2	1.4	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.2	7,265.88	9.2	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	11.9	5,256.36	8.2	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.8	4,007.82	12.2	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	23.2	3,040.96	9.2	1.1	12.8%	5.4%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.2	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	34.6	2,692.99	7.5	2.1	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.4	1,041.20	6.6	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.6	538.56	5.2	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.2	1,890.98	10.6	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.2	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	25.3	1,265.00	6.6	1.5	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.0	307.12	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	15.22%	82.5	- 483.00	4.29	450,023	303,609	220,520
VIC	HOSE	1,454.6	66,764.08	12.53%	45.9	17.48	3.69	1,134,535	999,565	1,384,325
PVD	HOSE	303.0	19,091.32	11.71%	63.0	8.28	1.79	1,462,104	1,373,495	801,906
HPG	HOSE	481.9	24,577.32	11.57%	51.0	7.85	2.16	463,904	505,419	540,467
HAG	HOSE	789.9	16,587.88	7.45%	21.0	8.94	1.16	2,525,676	3,190,370	3,585,188
KDC	HOSE	255.2	12,298.77	7.00%	48.2	20.32	1.86	1,129,776	1,002,445	973,193
STB	HOSE	1,142.5	19,879.70	5.69%	17.4	8.16	1.13	3,805,999	1,977,306	872,485
VCB	HOSE	2,665.0	79,684.11	5.16%	29.9	17.51	1.86	1,221,747	944,371	502,329
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	4.04%	30.2	9.55	1.24	857,566	928,035	624,490
KBC	HOSE	389.8	5,690.50	2.83%	14.6	13.69	1.11	2,428,012	2,543,306	4,360,998
ITA	HOSE	718.9	5,463.68	2.64%	7.6	45.33	0.70	5,482,609	5,970,648	6,110,475
HSG	HOSE	96.3	4,536.35	1.95%	47.1	11.08	1.91	155,075	127,951	303,242
BVH	HOSE	680.5	21,502.90	1.83%	31.6	17.32	1.82	490,378	316,717	252,515
HVG	HOSE	132.0	3,603.59	1.55%	27.3	12.46	1.51	1,316,060	1,093,296	1,540,675
FLC	HOSE	314.9	3,117.45	1.53%	9.9	5.93	0.84	9,829,166	12,743,888	14,240,522
PPC	HOSE	318.2	8,431.10	1.47%	26.5	11.71	1.58	973,906	693,094	425,330
DRC	HOSE	83.1	4,735.21	1.41%	57.0	13.34	3.22	237,130	189,262	119,850
PVT	HOSE	255.9	3,633.18	1.37%	14.2	12.91	1.25	2,882,799	2,716,043	2,347,336
CSM	HOSE	67.3	2,765.70	1.32%	41.1	7.97	2.18	37,189	45,396	108,450
VSH	HOSE	206.2	2,763.63	1.16%	13.4	19.15	1.04	877,195	592,582	507,472
OGC	HOSE	300.0	2,100.00	0.56%	7.0	12.70	0.67	6,053,495	5,414,348	5,892,569

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	8.53%	82.5	- 483.00	4.29	450,023	303,609	220,520
VIC	HOSE	1,454.6	66,764.08	7.57%	45.9	17.48	3.69	1,134,535	999,565	1,384,325
VCB	HOSE	2,665.0	79,684.11	7.13%	29.9	17.51	1.86	1,221,747	944,371	502,329
STB	HOSE	1,142.5	19,879.70	6.62%	17.4	8.16	1.13	3,805,999	1,977,306	872,485
PVS	HNX	446.7	11,658.88	5.75%	26.1	7.24	1.38	3,690,848	3,679,016	2,747,439
BVH	HOSE	680.5	21,502.90	4.51%	31.6	17.32	1.82	490,378	316,717	252,515
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	4.25%	30.2	9.55	1.24	857,566	928,035	624,490
HAG	HOSE	789.9	16,587.88	4.04%	21.0	8.94	1.16	2,525,676	3,190,370	3,585,188
PVD	HOSE	303.0	19,091.32	3.90%	63.0	8.28	1.79	1,462,104	1,373,495	801,906
PPC	HOSE	318.2	8,431.10	3.14%	26.5	11.71	1.58	973,906	693,094	425,330
ITA	HOSE	718.9	5,463.68	3.29%	7.6	45.33	0.70	5,482,609	5,970,648	6,110,475
FLC	HOSE	314.9	3,117.45	2.85%	9.9	5.93	0.84	9,829,166	12,743,888	14,240,522
SHB	HNX	886.1	7,265.88	2.54%	8.2	9.20	0.72	3,762,733	3,792,674	3,855,367
VCG	HNX	441.7	5,256.36	2.12%	11.9	8.16	0.96	1,464,290	1,747,224	1,534,580
PVT	HOSE	255.9	3,633.18	1.78%	14.2	12.91	1.25	2,882,799	2,716,043	2,347,336
OGC	HOSE	300.0	2,100.00	143.00%	7.0	12.70	0.67	6,053,495	5,414,348	5,892,569
DRC	HOSE	83.1	4,735.21	1.00%	57.0	13.34	3.22	237,130	189,262	119,850
IJC	HOSE	274.2	3,619.37	0.65%	13.2	21.68	1.27	560,081	695,518	665,487
PVX	HNX	400.0	1,800.00	0.00%	4.5	- 2.14	2.12	3,320,240	4,260,484	6,051,054

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	66,764.08	0.00%	45.9	17.48	3.69	1,134,535	999,565	1,384,325
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.00%	82.5	- 483.00	4.29	450,023	303,609	220,520
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	0.00%	30.2	9.55	1.24	857,566	928,035	624,490
HAG	HOSE	789.9	16,587.88	0.00%	21.0	8.94	1.16	2,525,676	3,190,370	3,585,188
VCB	HOSE	2,665.0	79,684.11	0.00%	29.9	17.51	1.86	1,221,747	944,371	502,329
STB	HOSE	1,142.5	19,879.70	0.00%	17.4	8.16	1.13	3,805,999	1,977,306	872,485
BVH	HOSE	680.5	21,502.90	0.00%	31.6	17.32	1.82	490,378	316,717	252,515
CTG	HOSE	3,723.4	51,382.98	0.00%	13.8	9.46	0.94	169,905	249,913	254,172
GAS	HOSE	1,895.0	128,860.00	0.00%	68.0	11.67	3.80	725,435	765,559	523,566

Công ty quản lý	Royal Bank of Scotland	Ngày lập quỹ	19/09/2011	SLCKVN	9/142
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier Markets Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	4.01%	82.5	- 483.00	4.29	450,023	303,609	220,520
VIC	HOSE	1,454.6	66,764.08	2.27%	45.9	17.48	3.69	1,134,535	999,565	1,384,325
PVD	HOSE	303.0	19,091.32	4.39%	63.0	8.28	1.79	1,462,104	1,373,495	801,906
STB	HOSE	1,142.5	19,879.70	0.89%	17.4	8.16	1.13	3,805,999	1,977,306	872,485
VCB	HOSE	2,665.0	79,684.11	1.28%	29.9	17.51	1.86	1,221,747	944,371	502,329
BVH	HOSE	680.5	21,502.90	1.79%	31.6	17.32	1.82	490,378	316,717	252,515

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ	12/09/2012	SLCKVN	6/102
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier 100 Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	MSCI VN Investable Market Indx	Ngày lập chỉ số	01/12/2010	TGTTSQL	4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,773	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,536	9.3	1.5	17.1%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,657	14.1	0.9	5.7%	2.3%
Sản xuất giấy	888	6.4	1.0	14.3%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,243	12.4	1.9	22.3%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,988	3.6	1.0	21.7%	5.2%
Khai khoáng	12,417	89.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,410	14.0	1.5	13.7%	7.5%
Xây dựng	30,839	29.7	1.1	1.0%	2.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,140	9.3	1.1	15.8%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	978	6.4	1.0	17.0%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,688	8.2	1.5	18.8%	6.6%
Thiết bị điện	2,097	32.3	1.3	3.0%	0.7%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	72	23.6	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,406	8.6	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,703	2.9	1.0	4.9%	1.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,408	8.2	1.5	18.6%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,717	5.7	1.5	23.2%	13.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,496	17.7	1.8	8.6%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	247	12.8	0.8	7.0%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	198	9.0	1.0	12.9%	5.0%
Chất thải & Môi trường	205	3.1	1.0	33.9%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,259	13.5	1.3	14.8%	7.3%
Lốp xe	8,118	10.4	2.7	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,791	7.9	1.4	18.0%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	323	16.3	2.2	14.9%	9.9%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,183	10.4	1.9	21.9%	7.5%
Thực phẩm	184,133	23.6	4.4	18.2%	14.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,827	7.7	1.3	19.0%	9.0%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	547	65.9	1.4	2.5%	1.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,549	8.1	1.6	19.5%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,366	10.7	2.0	18.7%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	682	10.1	1.0	1.4%	4.6%

25 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,856	9.2	1.0	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	218	9.3	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,502	12.3	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	249	-	39.6	0.8	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	745	10.4	1.2	13.9%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,747	9.5	1.7	19.0%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,141	9.4	1.0	9.9%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,657	55.5	2.5	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,476	19.7	1.3	10.2%	8.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,656	17.9	3.4	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	726	10.8	0.9	8.9%	3.3%
Internet	370	78.0	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,432	9.8	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	465	15.9	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,045	37.4	7.6	34.4%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,300	10.1	1.5	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	140,581	11.5	3.7	32.3%	21.9%
Nước	1,231	6.6	1.1	16.9%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,489	8.9	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,569	11.2	0.7	6.7%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,936	9.2	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	21,775	17.3	1.8	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,624	9.3	1.3	15.8%	10.4%
Môi giới chứng khoán	25,474	10.9	1.4	11.0%	7.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	242,468	11.5	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	154,141	15.1	2.4	17.8%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,301	7.8	1.6	21.9%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.